

68. XÃ CHỢ GẠO

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở Vị trí 1
		Từ	Đến	
	a) Đất ở tại mặt tiền đường quốc lộ			
1	Quốc lộ 50	Ranh Mỹ Tho - Chợ Gạo	Ngã năm Long Bình Điền	2.310
2	Đường 3/2 (Quốc lộ 50 cũ)	Ngã năm Long Bình Điền	Cầu Chợ Gạo (Cầu Dây văng)	2.420
3	Đường 30/4 (Quốc lộ 50 cũ)	Cầu Chợ Gạo (Cầu dây văng)	Cầu Bình Phan	2.420
4	Đường Nguyễn Hữu Huân (Tuyến tránh Quốc lộ 50)	Ngã năm Long Bình Điền	Cầu Bình Phan (mới)	2.420
	b) Đất ở tại mặt tiền đường tỉnh			
1	Đường tỉnh 879C, (trừ chợ Đăng Hưng Phước)	Quốc lộ 50	Cầu Thạnh Lợi (Tên cũ: Ranh khu dân cư Long Thạnh Hưng)	2.200
		Cầu Thạnh Lợi (Tên cũ: Ranh khu dân cư Long Thạnh Hưng)	Hết ranh xã Chợ Gạo (Tên cũ: Trường THCS Đăng Hưng Phước)	950
	c) Đất ở tại mặt tiền đường huyện, chợ, khu dân cư			
1	Đường huyện 27B (Đường số 7)	Phạm vi 150 m từ Quốc lộ 50 (tính từ mốc lộ giới) vào Đường huyện 27B		1.100
		Khu vực chợ Điền Mỹ trong phạm vi 100 m (trên tuyến Đường huyện 27B)		690
		Đoạn còn lại (trừ khu vực chợ Điền Mỹ) từ mét 150 đến giáp Đường huyện 27 (Đường số 6)		510
2	Đường huyện 27C (đường Lộ Làng)	Trong phạm vi 80m so với ĐH.24B (tính từ mốc lộ giới) đường vào Lộ Làng		470
		Đoạn còn lại (xã Đăng Hưng Phước - xã Song Bình)		470
3	Đường huyện 27E (đường Kênh Ngang)	Trong phạm vi 100 m so với Đường tỉnh 879C về 2 hướng vào Đường huyện 27E		470
		Trong phạm vi 80m so với Đường huyện 24B		470
		Đoạn còn lại (xã Chợ Gạo) (Tên cũ: Đoạn còn lại (xã Tân Thuận Bình - xã Song Bình))		470
4	Đường Đông Nam kênh Chợ Gạo (trừ Chợ BìnhPhục Nhứt; trừ Khu tái định cư Bình Phan)	Thuộc xã Chợ Gạo (Tên cũ: Thuộc thị trấn Chợ Gạo)	Ranh xã An Thạnh Thủy (Tên cũ: Ranh xã Bình Phan)	1.100
5	Đường huyện 24B (Đường Lộ Xoài)	Phạm vi 150 m từ Quốc lộ 50 (tính từ mốc lộ giới) vào Đường Lộ Xoài		1.760
		Từ mét 150	Cầu đúc trước UBND xã Song Bình cũ (Tên cũ: Cầu đúc trước UBND xã Song Bình)	760
		Đoạn còn lại (Tên cũ: Đoạn còn lại (thuộc xã Song Bình))		470
6	Đường huyện 24C (Đường Lộ 24 cũ)	Quốc lộ 50	Ranh thị trấn - Long Bình Điền cũ (Tên cũ: Ranh thị trấn - Long Bình Điền)	760
7	Đường huyện 22 (Đường Bình Phan)	Đường 30/4	Ranh xã An Thạnh Thủy (Tên cũ: Ranh thị trấn - Bình Phan)	1.010
8	Đường Lộ Vàm	Giao Quốc lộ 50 Bến đò Lộ Vàm		1.010

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở Vị trí 1
		Từ	Đến	
9	Khu dân cư Long Thạnh Hưng	Đường nội bộ		2.090
10	Chợ Long Bình Điền	Dãy phố chợ		2.310
11	Chợ Song Bình	Các vị trí đất tiếp giáp mặt tiền đường nội bộ chợ Song Bình		2.530
12	Khu tái định cư thị trấn Chợ Gạo	Mặt tiền đường Trần Văn Hiến		7.440
		Mặt tiền đường đân 4m		5.810
		Hai mặt tiền đường (Đường Trần Văn Hiến và đường đân 4m)		8.500
	d. Các khu vực			
1	1	Đất ở tại vị trí mặt tiền các tuyến đường xã quản lý tiếp giáp Quốc lộ 50 trong phạm vi 100 m tính từ Quốc lộ 50		760
2	2	Đất ở tại vị trí mặt tiền các tuyến đường xã quản lý tiếp giáp đường tỉnh trong phạm vi 100 m tính từ đường tỉnh		570
3	3	Đất ở tại vị trí mặt tiền các tuyến đường xã quản lý tiếp giáp đường huyện quản lý trong phạm vi 100 m tính từ đường huyện		470
	2. Bảng giá đất ở đô thị tại vị trí mặt tiền các trục đường giao thông trong thị trấn Chợ Gạo			
	a) Đất ở tại mặt tiền các đường phố đô thị trong thị trấn			
I	Đường phố loại 1			
1	Đường Vương Đình Thống (đường Bắc Chợ Gạo)	Toàn tuyến		4.840
2	Đường Nguyễn Thành Long (đường Nam Chợ Gạo)	Toàn tuyến		4.840
3	Đường Trần Văn Ứng	Dãy phố khu vực Bến xe		3.410
		Từ Bến xe	Đường Nguyễn Hữu Huân (Quốc lộ 50)	3.190
II	Đường phố loại 2			
1	Đường Tô Văn Rót (đường khu phố 3)	Bến xe	Kênh Chợ Gạo	3.300
2	Đường Nguyễn Minh Giác	Đường 30/4	Đường Nguyễn Hữu Huân (Quốc lộ 50)	2.530
		Đoạn nối dài thuộc xã Chợ Gạo (Tên cũ: Đoạn nối dài thuộc thị trấn Chợ Gạo và xã Bình Phan)		640
3	Đường Trương Thành Công (đường khu phố 5)	Đường Trần Văn Ân	Ranh Công viên	2.420
III	Đường phố loại 3			
1	Đường Nghĩa Hưng (đường khu phố 4)	Toàn tuyến		2.420
IV	Đường phố loại 4			
1	Đường các khu hành chính huyện (cũ) (Tên cũ: Đường các khu hành chính huyện)			1.010
2	Đường Dương Khuy (Đường Ô2 Khu 2)	Ranh xã Long Bình Điền (Đường huyện 24C)	Cầu kênh Ngang	1.010
		Cầu kênh Ngang	Tuyến tránh Quốc lộ 50	1.540

STT	Tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở Vị trí 1
		Từ	Đến	
3	Đường Hồ Tấn Minh	Kênh Chợ Gạo	Ngã ba nhà thờ Tin Lành	1.100
4	Đường Dương Văn Khoa (Đường Kênh Ngang)	Giao đường Dương Khuy (Đường huyện 25C)	Kênh Chợ Gạo	1.100
5	Đường Lê Thị Lệ Chi	Đường 30/4 (Quốc lộ 50)	Ranh xã Bình Ninh (Tên cũ: Ranh Hòa Định)	1.100
		Đường 30/4 (Quốc lộ 50)	Giao đường Nguyễn Đắc Thắng	1.320
V	Các tuyến đường phố còn lại			
1	Đường Lê Thị Ngọc Tuyền	Toàn tuyến		510
2	Đường Nguyễn Đắc Thắng	Toàn tuyến		510
3	Đường Phan Tấn Nhã	Toàn tuyến		510
4	Đường Nguyễn Minh Đạo	Toàn tuyến		510
5	Đường Võ Văn Lý	Toàn tuyến		510
6	Đường Trần Ngọc Ký	Toàn tuyến		510
7	Đường Trần Văn Hiến	Toàn tuyến (trừ khu tái định cư)		510
8	Đường Nguyễn Văn Thường	Toàn tuyến		510
	b) Bảng giá đất ở tại các vị trí còn lại trong phạm vi thị trấn Chợ Gạo cũ (Tên cũ: Bảng giá đất ở tại các vị trí còn lại trong phạm vi thị trấn Chợ Gạo)			
1	Đất ở tại mặt tiền các tuyến đường tiếp giáp đường 30/4 và đường 3/2 trong phạm vi 100m; đất ở tại mặt tiền đường Tây Bắc cặp kênh Chợ Gạo, Đường huyện 25B Đông Nam kênh Chợ Gạo (thuộc phạm vi thị trấn Chợ Gạo)			1.100
2	Đất ở mặt tiền các tuyến đường tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Huân (Quốc lộ 50) trong phạm vi 100m			1.100
3	Đất ở còn lại trong phạm vi thị trấn xác định giá theo các tiêu chí kỹ thuật đường giao thông tương tự tại khu vực 2. Mức giá xác định cao hơn mức giá đất ở nông thôn tại khu vực 2 là 15-20%, cụ thể theo các vị trí sau:			
	- Vị trí 1: Đất tại vị trí mặt tiền đường liên xã, liên ấp trải nhựa, đan có mặt rộng từ 3 m trở lên; đất cặp đường đê trải nhựa, đan có mặt rộng từ 3 m trở lên.			430
	- Vị trí 2: Đất tại vị trí mặt tiền đường nhựa, đan có mặt rộng từ 2 m trở lên, đường trải đá cấp phối có mặt rộng từ 3 m trở lên; đất cặp đường đê trải nhựa, đan có mặt rộng từ 2 m trở lên hay trải đá cấp phối có mặt rộng từ 3 m trở lên.			330
	- Vị trí 3: Đất tại vị trí mặt tiền đường đất có nền rộng từ 1m trở lên và mặt được trải đá cấp phối, nhựa, đan rộng từ 0,5 m trở lên; đường đất có nền rộng từ 2 m trở lên; đất cặp đường đê đất có nền rộng từ 1m trở lên và mặt được trải đá cấp phối, nhựa, đan rộng từ 0,5 m trở lên; đất cặp đường đê đất có nền rộng từ 2 m trở lên.			250
	- Vị trí 4: Các vị trí còn lại.			200
4	Đường Nam Sông Hóc Lựu			550
5	Đường Trần Văn Hành			470
6	Đường Nguyễn Văn Giáp			1.320
7	Đường đê cống Ông Văn C (2 bên)			550